SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI AN GIANG
**TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT-TỔNG HỢP AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH ngày 22. tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kỹ thuật - Tổng hợp An Giang)*

**Tên ngành/nghề:** BẢO VỆ THỰC VẬT
**Mã ngành/nghề:** 5620116
**Trình độ đào tạo:** Trung cấp
**Hình thức đào tạo:** Chính quy/ Đào tạo thường xuyên
**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THCS hoặc tương đương
**Thời gian đào tạo:** 02 năm

## 1. Mục tiêu đào tạo:

### 1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người học trở thành kỹ thuật viên có trình độ trung cấp ngành/nghề Bảo vệ thực vật, có sức khỏe, kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ, có thể đảm nhận được tốt nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực bảo vệ thực vật trong các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội… và đồng thời có khả năng học tập nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu công tác góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức

- Biết điều tra, phát hiện và xây dựng quy trình phòng trừ các loài sinh vật hại trên các loại cây trồng phổ biến trong khu vực;
- Đủ điều kiện tổ chức kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật;
- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật đáp ứng yêu cầu chuyên môn;
- Có đủ năng lực tự học để tiếp tục nâng cao trình độ, mở rộng kiến thức nhằm thích nghi tốt với nhu cầu đổi mới của đất nước.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng tốt những kiến thức về chuyên môn của ngành/ nghề Bảo vệ thực vật, thực hiện thành thạo các công việc bảo vệ thực vật trên cây trồng đem lại hiệu quả cao thông qua nâng cao năng suất, phẩm chất cây trồng;
- Thực hiện có hiệu quả trong quy trình phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng phổ biến;
- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn cho nông dân;
- Thực hiện quy trình kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.
- Tư duy và làm việc theo nhóm tốt;

- Tiếp nhận chuyển giao các thành tựu khoa học kỹ thuật vào lĩnh vực bảo vệ thực vật;

- Có trình độ tiếng Anh bậc 1/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và tin học ứng dụng cơ bản.

1.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao;

- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;

- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

**1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

- Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành/ nghề bao gồm:

- Trực tiếp lập kế hoạch, tổ chức cũng như điều hành màng lưới thuộc ngành/ nghề Bảo vệ thực vật, tham gia sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật;

- Nghiên cứu tìm ra phương pháp quản lý, phòng trừ sâu, bệnh hại đến cây trồng, đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Điều tra, dự tính và dự báo sinh vật hại nơi làm việc

- Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành/ nghề để nâng cao trình độ;

- Có khả năng học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành/ nghề hoặc trong nhóm ngành/ nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo. Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường làm việc và khả năng học tập suốt đời.

**2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:**

- Số lượng môn học: 22
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1590 giờ (61 tín chỉ)
- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ
- Khối lượng các môn chuyên môn: 1.335 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 395 giờ; Thực hành, thực tập: 1133 giờ; Kiểm tra: 62 giờ

**3. Nội dung chương trình:**

| Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận | Kiểm tra |
| **I** | **Các môn học chung** | **12** | **255** | **94** | **148** | **13** |

| Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận | Kiểm tra |
| MH02073 | Giáo dục Quốc phòng-An ninh | 2 | 45 | 21 | 21 | 3 |
| MH02072 | Giáo dục chính trị | 2 | 30 | 15 | 13 | 2 |
| MH01074 | Giáo dục thể chất | 1 | 30 | 4 | 24 | 2 |
| MH02231 | Tin học | 2 | 45 | 15 | 29 | 1 |
| MH04226 | Tiếng anh | 4 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| MH01185 | Pháp luật | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 |
| **II** | **Các môn học chuyên môn** | **47** | **1335** | **301** | **985** | **49** |
| **II.1** | **Môn học cơ sở** | **8** | **165** | **71** | **84** | **10** |
| MH01186 | Pháp luật chuyên ngành BVTV | 1 | 15 | 14 | 0 | 1 |
| MH04211 | Sinh lý thực vật - Giống cây trồng | 4 | 90 | 29 | 56 | 5 |
| MH01063 | Đất và phân bón | 1 | 30 | 0 | 28 | 2 |
| MH02107 | Kỹ năng mềm | 2 | 30 | 28 | | 2 |
| **II.2** | **Môn học chuyên môn** | **39** | **1140** | **202** | **901** | **37** |
| MH04217 | Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật | 4 | 90 | 29 | 56 | 5 |
| MH04010 | Bệnh cây nông nghiệp | 4 | 90 | 29 | 56 | 5 |
| MH04028 | Côn trùng nông nghiệp | 4 | 90 | 29 | 56 | 5 |
| MH04066 | Điều tra phát hiện dịch hại cây trồng | 4 | 90 | 29 | 56 | 5 |
| MH04026 | Cây trồng 1- 2 | 4 | 90 | 29 | 56 | 5 |
| MH01070 | Động vật hại nông nghiệp | 1 | 30 | | 28 | 2 |
| MH02197 | Phương pháp thí nghiệm | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MH04204 | Quản lý dịch hại tổng hợp và quản lý cỏ dại | 4 | 90 | 29 | 56 | 5 |
| MH01097 | Kiến tập | 1 | 45 | 0 | 44 | 1 |
| MH04261 | Thực tập chuyên môn | 4 | 180 | 0 | 179 | 1 |
| MH07271 | Thực tập tốt nghiệp | 7 | 315 | 0 | 314 | 1 |
| **II.3** | **Môn học tự chọn (2/8 tín chỉ)** | **2** | **30** | **28** | **0** | **2** |
| MH02213 | Sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |

| Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận | Kiểm tra |
| MH02124 | Khuyến nông | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MH02246 | Thực hành nông nghiệp tốt (GAP) | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MH02075 | Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| **Tổng cộng** | | **61** | **1590** | **395** | **1133** | **62** |

**4. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo:**

- Ngoài những môn chung bắt buộc, chương trình đào tạo giảng dạy cập nhật và lồng ghép các chuyên đề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Đối với các môn học tự chọn, trường sẽ chọn 1/4 môn tự chọn để đáp ứng theo nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương ở từng thời điểm đào tạo.

- Nhà trường tổ chức ôn tập thi tốt nghiệp cho người học với 2 môn thi lý thuyết chuyên môn và thực hành. Tổng số là 40 giờ, trong đó môn lý thuyết chuyên môn là 20 giờ, môn thi thực hành là 20 giờ.

**4.1. Thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt mục tiêu giáo dục toàn diện:**

- Học tập nội quy qui chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường;

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các xí nghiệp, nhà máy, công ty, cơ sở sản xuất.....;

- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác để rèn luyện học sinh;

- Thời gian và nội dung giáo dục hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

| Số TT | Nội dung | Thời gian |
|---|---|---|
| 1 | Văn hóa, văn nghệ:<br>Qua các phương tiện thông tin đại chúng<br>Sinh hoạt tập thể | 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày |
| 2 | Hoạt động thư viện:<br>Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu | Ngoài giờ học hàng ngày<br>19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) |
| 3 | Vui chơi, giải trí | Tất cả các ngày làm việc trong tuần |
| 4 | Các hoạt động đoàn thể | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt theo chuyên đề |

| Số TT | Nội dung | Thời gian |
|---|---|---|
| 5 | Đi thực tế tham quan thực nghiệm tại các xí nghiệp, nhà máy, công ty, cơ sở sản xuất ... | Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học |
| 6 | Giáo dục sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và phòng chống lây nhiễm HIV | Tổng số 16 giờ học, được bố trí trong tuần lễ công dân học sinh |

**4.2. Kiểm tra kết thúc môn học:**

- Thi kết thúc môn học thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hình thức thi hết môn: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài thực hành.

- Thời gian thi :

+ Lý thuyết: không quá 120 phút

+ Thực hành: không quá 4 giờ.

+ Hoặc bài thi mang tính tích hợp: vừa lý thuyết vừa thực hành, thời gian dành cho phần thi lý thuyết không quá 45% so với thời gian thực hành.

**4.3. Thi tốt nghiệp:**

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm:

| Số TT | Môn thi | Hình thức thi | Thời gian thi |
|---|---|---|---|
| 1 | Lý thuyết chuyên môn | Viết<br>Trắc nghiệm | Không quá 150 phút<br>Không quá 90 phút |
| 2 | Thực hành | Trắc nghiệm và thao tác | Không quá 120 phút/người học |

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định./.

**HIỆU TRƯỞNG**

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH AN GIANG
TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT - TỔNG HỢP AN GIANG

Tăng Thế Vỹ